

Bản án số: **571** /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thế Lợi**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phạm Tiến Lợi**

Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 510/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Bùi Thị N**, sinh năm 1972 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn HC, xã NPT, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Thôn LC, xã TV, huyện AL, Tp. Hải Phòng.

2. Bị đơn: **Ông Phạm Văn K**, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn HC, xã NPT, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Bùi Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Phạm Văn K tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 05/3/1995 tại Ủy ban nhân dân xã ĐQ, huyện QO, tỉnh Hà Tây (nay là Tp. Hà Nội). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông K mãi chơi không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau, nhiều lần ông K đánh bà. Vợ chồng đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn căng thẳng từ năm 2014, bà đi làm ở Hải Phòng và thuê nhà ở

thôn LC, xã TV, huyện AL, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết cho bà được ly hôn ông Phạm Văn K.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông K có 03 con chung là Phạm Văn K1, sinh năm 1995; Phạm Thị L, sinh năm 1998; Phạm Thị H, sinh ngày 16/3/2006. Hiện tại cháu H đang ở với bà, anh K1 và chị L đã trưởng thành không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Khi ly hôn, bà xin được nuôi cháu H và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại bà đang làm công nhân tại Công ty giày da liên doanh với Trung Quốc thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/ 01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn ông Phạm Văn K: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông K tại nơi cư trú theo đúng quy định nhưng ông K không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn, không cung cấp chứng cứ và trình bày quan điểm của bị đơn theo quy định.

*** Anh Phạm Văn K1 là con đẻ bà N - ông K trình bày:** Hiện nay anh đang sinh sống cùng ông Phạm Văn K tại thôn HC, xã NPT, huyện CM. Quá trình chung sống bố mẹ anh có xảy ra mâu thuẫn nên mẹ cùng em gái anh chuyển đến Hải Phòng làm và thuê nhà ở chỉ thỉnh thoảng mới liên hệ với anh qua điện thoại. Nay bà N xin ly hôn ông K anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Bà N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn ông K. Về con chung: anh Phạm Văn K1 và chị Phạm Thị L đã trưởng thành không có nhược điểm về thể chất và tinh thần; bà N xin nuôi cháu Phạm Thị H và tự nguyện không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông K vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho bà Bùi Thị N được ly hôn ông Phạm Văn K; Về con chung: Giao cháu Phạm Thị H, sinh ngày 16/3/2006 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông K. Anh Phạm Văn

K1 và chị Phạm Thị L đã trưởng thành không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không xem xét; Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Bị đơn ông Phạm Văn K đang cư trú tại xã NPT, huyện CM, Tp. Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị N kết hôn với ông Phạm Văn K trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 05/3/1995 tại Ủy ban nhân dân xã ĐQ, huyện QO, tỉnh Hà Tây (nay là Tp. Hà Nội) nên hôn nhân giữa bà N và ông K là hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của bà N và kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống, giữa bà N và ông K thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Từ năm 2014, bà N đã ra ngoài sinh sống riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông K đã không tồn tại trên thực tế từ lâu. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của bà N xin ly hôn ông K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Bà N xác nhận có 03 con chung là Phạm Văn K1, sinh năm 1995; Phạm Thị L, sinh năm 1998; Phạm Thị H, sinh ngày 16/3/2006. Hiện tại anh K1 và chị L đã trưởng thành không có nhược điểm về thể chất và tinh thần.

Xét việc xin nuôi con chung thấy: Cháu H là con gái hiện đang ở với bà N và có nguyện vọng được ở với mẹ, từ khi vợ chồng ly thân đến nay bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Do vậy, cần giao cháu H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Ông K có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N tự nguyện không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông K đến khi có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về án phí: Bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp

luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về hôn nhân: Bà Bùi Thị N được ly hôn ông Phạm Văn K.

2.Về con chung: Anh Phạm Văn K1, sinh năm 1995 và chị Phạm Thị L, sinh năm 1998 đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không xem xét. Giao con chung là cháu Phạm Thị H, sinh ngày 16/3/2006 cho bà Bùi Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Ông Phạm Văn K có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông K đến khi có sự thay đổi khác.

4.Về tài sản chung, công nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5.Về án phí: Bà Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0010293 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, bà Bùi Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận

- Đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã ĐQ, huyện QO, Tp. Hà Nội
(Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Lợi

